

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ hai ngày 19 tháng 8 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 07 năm 2009, thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: EFI., JSC

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị	Bà Lã Thị Vân Anh	Chủ tịch
	Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/4/2013)
	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Chủ tịch (Từ nhiệm ngày 27/4/2013)
	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên (Từ nhiệm ngày 27/4/2013)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Ban Giám đốc	Bà Lã Thị Vân Anh	Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Phó Giám đốc

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng, bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày phát hành Báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì Hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Lã Thị Vân Anh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013
của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục

Kính gửi: **Các cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, được lập ngày 16/01/2014, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Đinh Văn Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

Trần Huy Chiêu
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1994-2013-075-1

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+150)	100		65.763.842.262	99.509.403.217
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	34.929.304.041	36.648.029.754
1. Tiền	111		2.248.620.284	4.148.029.754
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.680.683.757	32.500.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.2	20.063.364.986	48.634.054.712
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20.258.258.407	49.577.918.133
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(194.893.421)	(943.863.421)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.549.825.231	14.118.577.824
1. Phải thu khách hàng	131		3.855.356.274	5.334.854.578
2. Trả trước cho người bán	132		26.892.052	50.577.539
5. Các khoản phải thu khác	135	6.3	7.815.524.564	8.881.914.302
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.147.947.659)	(148.768.595)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		221.348.004	108.740.927
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	6.4	141.776.004	63.740.927
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.5	79.572.000	45.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		88.934.106.018	59.972.987.602
II Tài sản cố định	220		164.988.462	265.451.912
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.6	158.988.462	247.951.912
- Nguyên giá	222		587.034.280	752.925.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(428.045.818)	(504.973.651)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.7	6.000.000	17.500.000
- Nguyên giá	228		60.000.000	60.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.000.000)	(42.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	240	6.8	29.216.754.000	29.210.314.500
1. Nguyên giá	241		29.216.754.000	29.210.314.500
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6.9	59.515.553.696	30.450.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.000.000.000	13.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		46.515.553.696	17.450.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		36.809.860	47.221.190
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.10	36.809.860	47.221.190
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		154.697.948.280	159.482.390.819

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.028.154.520	4.058.392.460
I- Nợ ngắn hạn	310		1.998.154.520	4.028.392.460
2. Phải trả người bán	312		467.242.649	452.931.432
3. Người mua trả tiền trước	313		10.000.000	36.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.11	185.458.528	714.206.713
5. Phải trả người lao động	315		279.195.055	1.084.089.881
7. Phải trả nội bộ	317		319.633.324	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.12	203.074.533	213.249.506
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		533.550.431	1.527.914.928
II- Nợ dài hạn	330		30.000.000	30.000.000
3. Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	30.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		152.669.793.760	155.423.998.359
I- Vốn chủ sở hữu	410	6.13	152.669.793.760	155.423.998.359
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		134.257.000.000	134.257.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.884.891.294	22.834.332.577
4. Cổ phiếu quỹ	414		(16.887.238.217)	(17.802.679.500)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.211.478.243	1.626.209.416
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.313.512.469	1.728.243.642
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		803.049.253	515.647.092
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.087.100.718	12.265.245.132
C- LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		154.697.948.280	159.482.390.819

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2014

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.14	11.919.118.246	10.548.976.009
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		11.919.118.246	10.548.976.009
4. Giá vốn hàng bán	11	6.15	7.791.948.085	8.741.020.883
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.127.170.161	1.807.955.126
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.16	5.492.756.756	14.000.537.245
7. Chi phí tài chính	22	6.17	282.571.671	(3.007.730.432)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.556.111	305.556
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.122.411.301	2.859.216.074
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		7.214.943.945	15.957.006.729
12. Chi phí khác	32	6.18	-	568.864.639
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	(568.864.639)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.214.943.945	15.388.142.090
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.19	1.348.013.051	3.682.765.532
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.866.930.894	11.705.376.558
18. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	62		5.866.930.894	11.705.376.558
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.20	541	1.089

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2014

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	7.214.943.945	15.388.142.090
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	98.039.507	121.470.831
- Các khoản dự phòng	03	250.209.064	(5.794.342.162)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.492.756.756)	(11.065.956.401)
- Chi phí lãi vay	06	4.556.111	305.556
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	2.074.991.871	(1.350.380.086)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.685.722.436)	886.316.882
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(70.039.080)	(5.152.558.929)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.411.330	(27.790.845)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.556.111)	(305.556)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.922.260.118)	(3.517.974.791)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(342.888.888)	(1.219.930.635)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(3.940.063.432)	(10.382.623.960)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.948.778.111)	(142.477.254.433)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	42.146.512.253	166.608.987.776
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(32.668.791.482)	(7.680.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.903.476.303	9.016.178.436
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.492.756.756	11.065.956.401
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	10.925.175.719	36.533.868.180
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(2.521.838.875)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.000.000.000	250.305.556
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.000.000.000)	(250.305.556)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.703.838.000)	(10.777.033.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(8.703.838.000)	(13.298.871.875)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(1.718.725.713)	12.852.372.345
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	36.648.029.754	23.795.657.409
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	34.929.304.041	36.648.029.754

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2014

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: EFI., JSC.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.394.000	13.940.000.000	11,4%
Các cổ đông khác	12.031.700	120.317.000.000	89,6%
Cộng	13.425.700	134.257.000.000	100%

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty con : Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Bất động sản EFI;

Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng;

Tỷ lệ kiểm soát : 100%;

Ngành nghề : Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

Trụ sở: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường;
- Xây dựng trường học các cấp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
- Xây dựng cao ốc;
- Cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ việc giảng dạy trong nhà trường và dịch vụ vệ sinh học đường;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh giấy;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Xây dựng và kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2013 chủ yếu là: Dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, cho các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay vốn và đầu tư chứng khoán, đầu tư bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư 244/2006/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Công ty Mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty sở hữu 100% vốn của Công ty con, do đó không phát sinh Lợi ích cổ đông thiểu số.

Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm 2013</u> <u>(số năm)</u>
Phương tiện vận tải truyền dẫn	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản CĐHH khác	05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam

Các khoản đầu tư tài chính khác

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 24 tháng.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tuy nhiên theo tiêu chí về Báo cáo bộ phận, hoạt động kinh doanh của Công ty không đáp ứng đầy đủ các điều kiện về Báo cáo bộ phận nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	311.100.036	140.464.579
Tiền gửi ngân hàng	1.937.520.248	4.007.565.175
Các khoản tương đương tiền (*)	32.680.683.757	32.500.000.000
Tổng	34.929.304.041	36.648.029.754

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng đến cuối kỳ.

6.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán	7.827.658.407	7.399.022.621
Cho vay vốn ngắn hạn	2.430.600.000	42.178.895.512
Đầu tư ngắn hạn khác	10.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(194.893.421)	(943.863.421)
Tổng	20.063.364.986	48.634.054.712

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	546.989	5.575.444.476	546.989	5.511.437.649
Công ty Cổ phần Licogi 13	29.000	340.983.906	29.000	340.983.906
Công ty Cổ phần Phát hành Sách & Thiết bị trường học Hưng Yên (HST)	-	-	148.400	1.498.840.000
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội (EBS)	227.100	1.783.317.510	-	-
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng (MCV)	4.000	26.880.400	4.000	26.872.800
Các loại cổ phiếu khác	18.620	101.032.115	-	20.888.266
Tổng	-	7.827.658.407	-	7.399.022.621
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(194.893.421)	-	(943.863.421)
Tổng	-	7.632.764.986	-	6.455.159.200

Chi tiết cho vay vốn ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà	900.000.000	900.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà CAVICO Việt Nam	-	27.650.895.512
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	1.329.000.000	8.400.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát	-	-
Cho vay Hợp tác Đầu tư	-	-
Các cá nhân khác	201.600.000	228.000.000
Tổng	2.430.600.000	42.178.895.512

6.3 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu hợp tác đầu tư	7.014.150.000	8.363.500.000
BHYT	1.448.422	12.452.142
BHTN	-	12.331.813
Dự án Cầu Giấy	75.000.000	75.000.000
Lãi tiền gửi Ngân hàng dự thu	693.219.120	222.033.125
Các khoản phải thu khác	31.707.022	196.597.222
Tổng	7.815.524.564	8.881.914.302

(*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết số 01/2012 EFI-HĐHT, số 02/2012 EFI-HĐHT; số 03/2012 EFI-HĐHT; số 04/2012 EFI-HĐHT ngày 23/4/2012 giữa các bên là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha và các cá nhân khác về đầu tư chứng khoán niêm yết, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13 Mã cổ phiếu LIG .

6.4 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.307.376	63.740.927
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	139.468.628	-
Tổng	141.776.004	63.740.927

6.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	39.572.000	5.000.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	40.000.000	40.000.000
Tổng	79.572.000	45.000.000

6.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2013	587.034.280	142.146.783	23.744.500	752.925.563
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	142.146.783	23.744.500	165.891.283
Giảm khác (Phân loại)	-	142.146.783	23.744.500	165.891.283
Số dư tại 31/12/2013	587.034.280	-	-	587.034.280
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2013	354.666.533	130.070.575	20.236.543	504.973.651
Tăng trong năm	73.379.285	9.652.260	3.507.962	86.539.507
Khấu hao trong năm	73.379.285	9.652.260	3.507.962	86.539.507
Giảm trong năm	-	139.722.835	23.744.505	163.467.340
Giảm khác (phân loại)	-	139.722.835	23.744.505	163.467.340
Số dư tại 31/12/2013	428.045.818	-	-	428.045.818
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2013	232.367.747	12.076.208	3.507.957	247.951.912
Tại 31/12/2013	158.988.462	-	-	158.988.462

Tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng đến 31/12/2013 là 0 đồng.

6.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được phân ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2013	60.000.000	60.000.000
Tăng trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2013	60.000.000	60.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2013	42.500.000	42.500.000
Tăng trong năm	11.500.000	11.500.000
Khấu hao trong năm	11.500.000	11.500.000
Số dư tại 31/12/2013	54.000.000	54.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2013	17.500.000	17.500.000
Tại 31/12/2013	6.000.000	6.000.000

6.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của các lô đất Công ty đã mua nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai, bao gồm các địa điểm sau:

- Số 256-258 Phan Chu Trinh, thành phố Đà Nẵng
- Lô E5 Ven biển quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.
- Số 02, Khu tái định cư đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

6.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Công ty liên doanh, liên kết	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam	-	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	395.000	46.515.553.696	520.000	17.450.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Sách Thiết bị Trường học Hà Tây	-	-	125.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Bell torta	-	388.525.000	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	1.152.228.697	-	-
Công ty Cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam	-	41.024.799.999	-	11.500.000.000
Tổng		59.515.553.696		30.450.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Tổng		59.515.553.696		30.450.000.000

6.10 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	47.221.190	19.430.345
Tăng	25.650.309	54.327.272
Phân bổ vào chi phí	36.061.639	26.536.427
Tại ngày cuối năm	36.809.860	47.221.190
	31/12/2013	01/01/2013
Chi tiết chi phí trả trước dài hạn	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	36.809.860	47.221.190
Tổng	36.809.860	47.221.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

6.11 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	177.398.915	24.229.004
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.059.613	643.740.231
Thuế thu nhập cá nhân	-	46.237.478
Tổng	185.458.528	714.206.713

6.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	31.874.464	67.397.594
Bảo hiểm xã hội	103.249.069	78.062.912
Các khoản phải trả, phải nộp khác	67.951.000	67.789.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>9.020.000</i>	<i>8.858.000</i>
<i>Lãi ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần IP</i>	<i>58.931.000</i>	<i>58.931.000</i>
Tổng	203.074.533	213.249.506

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

6.13 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	134.257.000.000	22.834.332.577	(15.280.840.625)	1.063.129.590	1.165.163.816	-	13.486.786.622	157.525.571.980
Tăng trong năm	-	-	(2.521.838.875)	563.079.826	563.079.826	895.580.417	12.415.538.264	11.915.439.458
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	12.379.834.906	12.379.834.906
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	563.079.826	563.079.826	317.728.175	-	1.443.887.827
Tạm trích quỹ thưởng	-	-	-	-	-	569.713.353	-	569.713.353
Tăng khác	-	-	(2.521.838.875)	-	-	8.138.889	35.703.358	(2.477.996.628)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	379.933.325	13.637.079.754	14.017.013.079
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	2.851.188.754	2.851.188.754
Chi thường	-	-	-	-	-	379.933.325	-	379.933.325
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	10.785.891.000	10.785.891.000
Số dư tại 31/12/2012	134.257.000.000	22.834.332.577	(17.802.679.500)	1.626.209.416	1.728.243.642	515.647.092	12.265.245.132	155.423.998.359
Số dư tại 01/01/2013	134.257.000.000	22.834.332.577	(17.802.679.500)	1.626.209.416	1.728.243.642	515.647.092	12.265.245.132	155.423.998.359
Tăng trong năm	-	50.558.717	915.441.283	585.268.827	585.268.827	585.268.827	5.866.930.894	8.588.737.375
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	585.268.827	585.268.827	585.268.827	-	1.755.806.481
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	5.866.930.894	5.866.930.894
Tăng khác	-	50.558.717	915.441.283	-	-	-	-	966.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	297.866.666	11.045.075.308	11.342.941.974
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	2.341.075.308	2.341.075.308
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	8.704.000.000	8.704.000.000
Chi thù lao	-	-	-	-	-	248.977.778	-	248.977.778
Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	48.888.888	-	48.888.888
Số dư tại 31/12/2013	134.257.000.000	22.884.891.294	(16.887.238.217)	2.211.478.243	2.313.512.469	803.049.253	7.087.100.718	152.669.793.760

6.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2013

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cổ đông sáng lập	16.959.000.000	16.540.000.000
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	13.940.000.000	13.940.000.000
- Bà Lê Thị Vân Anh	1.588.000.000	1.350.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	1.431.000.000	1.250.000.000
Cổ đông khác	117.298.000.000	117.717.000.000
Tổng	134.257.000.000	134.257.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	134.257.000.000	134.257.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	134.257.000.000	134.257.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.704.000.000	10.785.891.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.425.700	13.425.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.425.700	13.425.700
Cổ phiếu phổ thông	13.425.700	13.425.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.545.700	2.683.700
Cổ phiếu phổ thông	2.545.700	2.683.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.880.000	10.742.000
Cổ phiếu phổ thông	10.880.000	10.742.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.919.118.246	10.548.976.009
Tổng	11.919.118.246	10.548.976.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

6.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.791.948.085	8.741.020.883
Tổng	7.791.948.085	8.741.020.883

6.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.088.450.906	11.311.184.213
Lãi đầu tư cổ phiếu	139.318.350	1.452.929.776
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.264.987.500	1.225.044.600
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	11.378.656
Tổng	5.492.756.756	14.000.537.245

6.17 Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.556.111	305.556
Lỗ đầu tư cổ phiếu	1.026.993.160	2.934.580.844
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(748.977.600)	(5.943.110.757)
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	493.925
Tổng	282.571.671	(3.007.730.432)

6.18 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	-	568.864.639
Chi phí khác	-	568.864.639
Lợi nhuận từ hoạt động khác	-	(568.864.639)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

6.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.214.943.945	15.388.142.090
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	568.864.639
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi liên doanh liên kết, nhận cổ tức)	1.264.987.500	1.225.944.600
Lợi nhuận tính thuế	5.949.956.445	14.731.062.129
Lợi nhuận kinh doanh bất động sản	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất 25% trong 6 tháng đầu năm	3.090.875.222	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chịu thuế suất 20% trong 6 tháng cuối năm	2.859.081.223	14.731.062.129
Thuế thu nhập hiện hành	1.348.013.051	3.682.765.532

6.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.866.930.894	11.705.376.558
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.866.930.894	11.705.376.558
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.836.142	10.748.747
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	541	1.089

6.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.703.431	129.341.012
Chi phí nhân công	3.373.154.414	5.434.792.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.039.507	184.346.196
Thuế phí và lệ phí	172.135.692	289.129.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.802.179.441	4.487.548.321
Chi phí khác bằng tiền	1.365.146.901	1.075.079.323
Tổng	9.914.359.386	11.600.236.957

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo nhận định của Ban Giám đốc Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng, bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày phát hành Báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và Cổ đông

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2012</u> <u>VND</u>
Hội đồng Quản trị	Thù lao HĐQT	248.977.778	255.253.328
Thành viên HĐQT và Ban điều hành	Lương cho thành viên HĐQT và Ban điều hành	1.218.479.154	1.470.737.640

Giao dịch với các bên liên quan khác: Doanh thu cung cấp dịch vụ và cho vay vốn

<u>Bên liên quan</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2012</u> <u>VND</u>
<u>Cung cấp dịch vụ</u>	9.741.651.419	7.278.872.546
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.797.821.981	6.579.236.682
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	617.295.454	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.852.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	75.052.533
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	137.375.000	92.888.889
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	336.658.984	531.694.442
<u>Cho vay vốn</u>	2.000.000.000	8.999.109.733
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	1.050.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam	-	7.949.109.733
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	2.000.000.000	-

Phải thu về gốc vay, lãi vay, và tiền cung cấp dịch vụ

<u>Bên liên quan</u>	<u>31/12/2013</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2013</u> <u>VND</u>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.553.628.004	5.287.022.506
NHà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	64.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Bất động sản EFI	6.010.200.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	14.882.954	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà CAVICO Việt Nam	-	29.524.799.999
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	1.329.000.000	8.679.066.666
Tổng	9.971.710.958	45.490.889.171

7.3 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.929.304.041	36.648.029.754
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.522.933.179	14.068.000.285
Đầu tư ngắn hạn	20.063.364.986	48.634.054.712
Đầu tư dài hạn khác	59.515.553.696	30.450.000.000
Tổng	125.031.155.902	129.800.084.751

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	670.317.182	666.180.938
Chi phí phải trả	-	-
Tổng	670.317.182	666.180.938

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Việc phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ của Công ty là không đáng kể, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không phát sinh các khoản vay chịu lãi suất, do đó, không có rủi ro lãi suất

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

7.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có khoản rủi ro không đáng kể với các khách hàng hoặc đối tác và đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	670.317.182	-	670.317.182
Chi phí phải trả	-	-	-
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
01/01/2013			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	666.180.938	-	666.180.938
Chi phí phải trả	-	-	-

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.929.304.041	-	34.929.304.041
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.522.933.179	-	10.522.933.179
Đầu tư ngắn hạn	20.063.364.986	-	20.063.364.986
Đầu tư dài hạn khác	-	59.515.553.696	59.515.553.696
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.648.029.754	-	36.648.029.754
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.068.000.285	-	14.068.000.285
Đầu tư ngắn hạn	48.634.054.712	-	48.634.054.712
Đầu tư dài hạn khác	-	30.450.000.000	30.450.000.000

7.4 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM). Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2014

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh